

Số: 145/QĐ-THNL

Nghĩa Lợi, ngày 09 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách**  
**9 tháng năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHĨA LỢI**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán – Hành chính Trường Tiểu học Nghĩa Lợi.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 9 tháng năm 2025 của trường Tiểu học Nghĩa Lợi (theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng trường, bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan của trường Tiểu học xã Nghĩa Lợi chịu trách nhiệm thi hành Quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Đơn vị DT cấp trên,
- Như điều 3
- Lưu VP.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Hồng Duy**

**Biểu số 3** - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Nghĩa Lợi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 822

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quỹ Nhất, ngày 09 tháng 10 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH**

**Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm | Thực hiện quý 3/2024 | Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|-------------|----------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3           | 4                    | 5                                       | 6                                                            |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |             |                      |                                         |                                                              |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |             |                      |                                         |                                                              |
| 1          | Lệ phí                                             |             |                      |                                         |                                                              |
|            | Lệ phí...                                          |             |                      |                                         |                                                              |
|            | Lệ phí...                                          |             |                      |                                         |                                                              |
| 2          | Phí                                                |             |                      |                                         |                                                              |
|            | Phí ...                                            |             |                      |                                         |                                                              |
|            | Phí ...                                            |             |                      |                                         |                                                              |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |             |                      |                                         |                                                              |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |             |                      |                                         |                                                              |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |             |                      |                                         |                                                              |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |             |                      |                                         |                                                              |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |             |                      |                                         |                                                              |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |             |                      |                                         |                                                              |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |             |                      |                                         |                                                              |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |             |                      |                                         |                                                              |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |             |                      |                                         |                                                              |

|          |                                                    |                  |                  |               |              |
|----------|----------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------|--------------|
|          | Lệ phí...                                          |                  |                  |               |              |
|          | Lệ phí...                                          |                  |                  |               |              |
| <b>2</b> | <b>Phí</b>                                         |                  |                  |               |              |
|          | Phí ...                                            |                  |                  |               |              |
|          | Phí ...                                            |                  |                  |               |              |
| <b>B</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>6,015.522</b> | <b>4,206.441</b> | <b>69,92%</b> | <b>81,7%</b> |
| <b>I</b> | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>6,015.522</b> | <b>4,206.441</b> | <b>69,92%</b> | <b>81,7%</b> |
| <b>1</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                  |                  |               |              |
| 1.1      | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                  |                  |               |              |
| 1.2      | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                  |               |              |
| <b>2</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                  |                  |               |              |
| 2.1      | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                  |                  |               |              |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>  |                  |                  |               |              |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>        |                  |                  |               |              |
|          | - <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>     |                  |                  |               |              |
| 2.2      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                  |                  |               |              |
| 2.3      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                  |                  |               |              |
| <b>3</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>6,015.522</b> | <b>4,206.441</b> | <b>69,92%</b> | <b>81,7%</b> |
| 3.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | <b>5,744.438</b> | <b>4,206.441</b> | <b>73,2%</b>  | <b>81,7%</b> |
| 3.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | <b>271,084</b>   | <b>0</b>         | <b>0</b>      | <b>0</b>     |
| <b>4</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                  |                  |               |              |
| 4.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                  |                  |               |              |
| 4.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                  |                  |               |              |
| <b>5</b> | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |                  |                  |               |              |
| 5.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                  |                  |               |              |
| 5.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                  |                  |               |              |
| <b>6</b> | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |                  |                  |               |              |
| 6.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                  |                  |               |              |
| 6.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                  |                  |               |              |
| <b>7</b> | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>             |                  |                  |               |              |
| 7.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                  |                  |               |              |

|           |                                                         |  |  |  |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |  |  |  |  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 1.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |

|            |                                                         |  |  |  |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |  |  |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |

Quỹ Nhất, Ngày 09 tháng 10 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Hồng Duy**

